

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐẠT YÊU CẦU VÒNG 1 KỲ THI
TIẾNG HÀN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ SẢN XUẤT CHẾ TẠO
NĂM 2025**

(Kèm theo Công văn số 524 /TTLĐNN-TCLĐ ngày 04/7/2025)

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
124	50200331	BAN THI LINH	Nông nghiệp	Thái Nguyên	Bắc Kạn
125	50200332	PHUNG KIEM PHU	Nông nghiệp	Thái Nguyên	Bắc Kạn
126	50200336	HOANG VAN HONG	Nông nghiệp	Thái Nguyên	Bắc Kạn
127	50200338	DUONG VAN TUY	Nông nghiệp	Thái Nguyên	Bắc Kạn
128	50200339	NONG VAN HUONG	Nông nghiệp	Thái Nguyên	Bắc Kạn
129	50200342	NONG VAN TUE	Nông nghiệp	Thái Nguyên	Bắc Kạn
130	50200344	MA VAN CHUONG	Nông nghiệp	Thái Nguyên	Bắc Kạn
131	50200351	TO VAN TRAM	Nông nghiệp	Thái Nguyên	Bắc Kạn
132	50200354	HOANG THI SINH	Nông nghiệp	Thái Nguyên	Bắc Kạn
133	50200359	DONG THI MAY	Nông nghiệp	Thái Nguyên	Bắc Kạn
134	50200367	DAM THI DUYEN	Nông nghiệp	Thái Nguyên	Bắc Kạn
135	50804702	NGUYEN DUC TRINH	SXCT	Thái Nguyên	Bắc Kạn
136	50804704	DINH XUAN SON	SXCT	Thái Nguyên	Bắc Kạn
137	50804705	NGUYEN PHU QUY	SXCT	Thái Nguyên	Bắc Kạn
138	50804706	HOANG VAN THUONG	SXCT	Thái Nguyên	Bắc Kạn
139	50804710	HOANG VAN TAP	SXCT	Thái Nguyên	Bắc Kạn
140	50804729	HOANG MANH QUOC	SXCT	Thái Nguyên	Bắc Kạn
2348	50200811	DAM VAN TON	Nông nghiệp	Thái Nguyên	Thái Nguyên

2349	50200814	LUONG THI THUY	Nông nghiệp	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2350	50200815	NGUYEN THU HIEU	Nông nghiệp	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2351	50200816	LUONG TRUNG KIEN	Nông nghiệp	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2352	50805752	HOANG MAI HONG CUC	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2353	50805753	BUI THI DINH	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2354	50805760	TRAN DUC MANH	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2355	50805766	VI THI HONG	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2356	50805776	NGUYEN VAN KHAM	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2357	50805778	TRAN VAN LUYEN	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2358	50805780	NGUYEN HUONG GIANG	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2359	50805783	NGUYEN VAN TU	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2360	50805784	VU VAN DAI	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2361	50805789	NGUYEN DINH CUONG	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2362	50805797	NGUYEN VAN LAN	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2363	50805799	LE THI THUY TRANG	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2364	50805800	LE KIEU CHINH	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2365	50805816	NGUYEN GIA KHIEM	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2366	50805827	NGUYEN THE TRUNG HIEU	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2367	50805836	NGUYEN VAN DAT	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2368	50805869	TO THI CUC	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2369	50805895	VU THI HOAI NHUNG	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2370	50805899	TRAN THI HUYEN	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2371	50805925	MAN XUAN LUC	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên

					Nguyên
2372	50805926	NGUYEN DUC DUY	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2373	50805928	NGUYEN QUANG HUY	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2374	50805934	NGUYEN ANH DUC	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên
2375	50805941	DAO THI THAO LY	SXCT	Thái Nguyên	Thái Nguyên